Soạn bài lớp 11: Vịnh khoa thi hương do Trần Tế Xương sáng tác thuộc môn Ngữ văn lớp 11 học kỳ 1. Bài soạn văn 11 bài Vịnh khoa thi hương dưới đây giới thiệu với các bạn để tham khảo về khoa thi hương cuối chế độ thực dân đô hộ nói nên sự trào phúng của tác giả về cuộc đời giúp học tập tốt môn Ngữ Văn lớp 11 chuẩn bị cho bài giảng sắp tới đây của mình.

Mẫu 1: Soạn bài Vịnh khoa thi hương

Kiến thức cơ bản

Tú Xương là một người rất lận đận trong chuyện thi cử. Ông thi nhiều lần và đều hỏng, chỉ đỗ đến tú tài. Ông lại sống và thời buổi "mưa Âu gió Mĩ", thời kì khủng hoảng của những qua hệ đạo đức truyền thống. Cay đắng của số phận riêng cùng với những điều ngang tai trái mắt của cuộc sống thị thành đã khiến Tú Xương trở thành một nhà thơ trào phúng tiêu biểu của văn học Việt Nam đầu thế kỉ XX.

Thực dân Pháp tạm thời hoàn thành cuộc xâm lược Việt Nam, văn hoá phương Tây tràn vào lấn át văn hoá truyền thống. Hán học suy vong, các nhà Nho đua nhau "vứt bút lông đi" đổi sang cầm cây bút chì để kiếm sống. Chuyện thi cử của Nho học trở thành trò hề, cảnh tượng các kì thi vô cùng thảm hại. Cả Nguyễn Khuyến và Tú Xương đều là những nhà nho có lòng tự trọng, họ đều rất đau lòng và cay đắng ghi lại trong một loạt bài thơ. Trong đó có Vịnh khoa thi Hương của Trần Tế Xương.

Rèn kĩ năng

Vịnh khoa thi Hương là một bài thơ trữ tình - trào phúng. Qua việc tái hiện hình ảnh thảm hại của kì thi năm Đinh Dậu (1897) tại trường Hà Nam, nhà thơ bày tỏ sự xót xa, đau đớn của con người trước tình cảnh thảm hại của các nhà Nho vào thời kì mạt vận của Nho học. Khoa thi Hương 1897 ấy được miêu tả với cảm hứng trào phúng. Bức tranh trường thi hiện lên với cảnh tượng thật nhốn nháo, lộn xộn. Khoa thi Hương ấy gợi cảm giác đau xót trước hiện thực đất nước. Trong ngày tuyển chọn nhân tài cho đất nước vốn đã chẳng được trang nghiêm mà cái bóng của kẻ xâm lược vẫn bao trùm không tha. Hiện thực đen tối của dân tộc phần nào được tái hiện trong bàI thơ này.

Tú Xương thuộc lớp nhà Nho theo nghiệp khoa cử cuối cùng của xã hội phong kiến Việt Nam. Cuối thế kỉ XIX, việc tổ chức các kì thi Hán học chỉ còn là hình thức. Khoa thì năm Đinh Dậu được nhà thơ giới thiệu một cách giới thiệu rất tự nhiên. Kì thi được tổ chức theo đúng thời gian quy định, ba năm một lần. Nhưng có điểm không bình thường: Trường Nam thi lẫn với trường Hà. Tác giả không dùng thi chung hoặc một cách diễn đạt khác trang trọng hơn mà dùng từ "thi lẫn". Cách nói ấy đã dự báo tính chất không nghiêm túc của kì thi. Khoa thi Hương 1897 ấy được miêu tả với cảm hứng trào phúng rõ rệt. Tác giả đặc biệt nhấn mạnh sự nhốn nháo, lộn xộn, nhếch nhác của trường thi và sự xuất hiện ồn ào, ầm ĩ của bọn quan thầy xâm lược. Qua đó thể hiện tâm sự xót xa của một nhà Nho có tự trọng và lòng căm thù giặc của một người dân yêu nước thương nòi.

Bốn câu thơ 3,4,5,6 tả cảnh trường thi đều được dùng cấu trúc đảo trật tự thành phần câu và phép đối ngẫu. Hai câu thực, tác giả đảo trật tự thành phần phụ chỉ đặc điểm lên trước. Hai từ "lôi thôi", "ậm oẹ" đứng đầu câu nhấn mạnh điểm nổi bật nhất của cảnh thi, thật bi hài. Sĩ tử là nhân vật chính của kì thi. Khi Nho học đang ở thời thịnh vượng, các sĩ tử khi đi thi thường có người hầu đi theo cho nên họ không phải làm công việc "đeo lọ" bên mình như sĩ tử trong cảnh thi này. Những sĩ tử đến kì thi trông thật nhếc nhách và tội nghiệp. Còn "quan trường", những người có trách nhiệm tổ chức và trông coi kì thi thì cũng thảm hại không kém. "Lôi thôi" đối với "ậm oẹ" thật là cân xứng. Lẽ ra họ phải dõng dạc, oai phong trong tư thế của mệnh quan triều đình. Tú Xương đã chọn từ ngữ rất đắt. Không cần nhiều chỉ hai từ đó thôi đã đủ tái hiện bộ mặt nhếch nhác đến thảm hại của kì thi Hán học cuối cùng này.

Cảnh tượng trường thi lôi thôi, nhếch nhác là thế nhưng hình ảnh các vị khách mời thì lại khác. Bốn câu thơ trên tác giả đã tận dụng triệt để các hình thức đối ngẫu trong thơ. Đối trong cặp câu thực: hình ảnh sĩ tử >< hình ảnh quan trường; đối trong cặp câu luận: lọng - quan sứ >< váy - mụ đầm là sự đối ngẫu trong mối quan hệ tương đồng. Đối giữa hai câu thực và hai câu luận: sĩ tử, quan trường (nhân vật chính của ki thi) >< quan sứ, mụ đầm (khách mời) là sự đối ngẫu trong quan hệ tương phản. Bên nhân vật chính thảm hại, nhếch nhác bao nhiêu thì bên nhân vật phụ, bọn quan thầy xâm lược lại long trọng, kể cả bấy nhiêu. Sự đối lập hai này làm nổi bật nỗi nhục nhã ê chề của những trí thức Nho học. Chỉ với một vài hình ảnh đặc tả vậy thôi, Tú Xương đã tái hiện cảnh tượng của kì thi Hương Đinh Dậu, qua đó khái quát bộ mặt xã hội Việt Nam những năm cuối thế kỉ XIX.

Câu kết là tâm sự đau xót, chua chát của nhà thơ trước hiện thực đất nước. Câu thơ vừa là lời tự vấn mình, vừa hướng đến những người đồng môn. Bài thơ thể hiện nỗi đau đớn xót xa của nhà thơ trước vận mệnh dân tộc. Nỗi đau đớn xót xa ấy thể hiện tác giả là người trọng danh dự, danh dự của các trí thức nho học và là người có tấm lòng với dân với nước. Là con người biết trọng danh dự, với tấm lòng lo nước thương đời, ông Tú muốn đánh thức ý thức dân tộc trong con người Việt nam, nhất là những người tài, những người có trách nhiệm và có khả năng cứu nước, cứu đời. Giọng điệu chính của bài thơ là giọng điệu trào phúng, nhưng ở hai câu kết, tác giả đã dùng giọng điệu trữ tình.

Vịnh Khoa thi Hương thể hiện tấm lòng tha thiết tình đời của nhà thơ trào phúng Tú Xương. Sống trong hiện thực đen tối của xã hội Việt Nam những năm cuối thế kỉ XIX, biết trọng danh dự, biết đau xót trước hiện thực dân tộc như Tú Xướng là một thái độ rất đáng trân trọng. Những nhà Nho như Tú Xương không đủ sức, đủ điều kiện để đứng lên cầm súng chống giặc, cải tạo đất nước nhưng họ đã dùng ngòi bút để thể hiện tấm lòng mình với dân tộc và đánh thức ý thức dân tộc trong mỗi người Việt Nam. Những nhà thơ như Tú Xương đã góp phần làm nên sức mạnh Việt Nam.

Mẫu 2: Soạn bài Vịnh khoa thi hương

Bố cục

Phần 1 (hai câu thơ đầu): Lời giới thiệu kì thi hương.

Phần 2 (bốn câu thơ tiếp theo): Cảnh tượng trường thi.

Phần 3 (hai câu thơ còn lại): Thái độ của nhà thơ trước kì thi hương.

Câu 1 trang 34 SGK Ngữ văn 11 tập 1

Hai câu thơ đầu cho thấy sự tạp nham, hình thức lộn xộn của kì thi, kì thi không còn nhằm tuyển chọn những nhân tài thực sự cho đất nước: Các sĩ tử ở trường Hà Nội xuống thi "lẫn" với sĩ tử ở trường Nam Định.

Câu 2 Ngữ văn 11 tập 1 trang 34 SGK

- Hình ảnh sĩ tử:

+ Lôi thôi: khác xa với hình ảnh sĩ tử ngày xưa.

+ Phép đảo ngữ "vai đeo lọ" nhấn mạnh sự lôi thôi.

- Quan trường:

+ Ậm ọe: Lời nói không ra lời nói, không có phong thái nghiêm túc.

+ Phép đảo ngữ "miệng thét loa": gợi cảnh tượng om sòm, nhốn nháo.

⇒ Cảnh thi cử nhốn nháo, om sòm như một cái chợ, không còn vẻ nghiêm túc của trường thi.

Câu 3 trang 34 SGK Ngữ văn 11 tập 1

- Hình ảnh quan sứ: đến trong sự phô trương, "lọng cắm rợp trời".

- Hình ảnh mụ đầm: đến trường thi nhưng lại mặc trang phục lố lăng, rườm rà "váy lê quét đất".

- Biện pháp đối: "Lọng cắm rợp trời" đối với "váy lê quét đất", "quan sứ" đối với "mụ đầm", "đến" đối với "ra" → đả kích những kẻ biến trường thi thành chốn phô trương danh thế, ô hợp, nhốn nháo.

Câu 4 Ngữ văn 11 trang 34 SGK tập 1

- Tâm trạng, thái độ của tác giả: Khinh ghét, căm tức, châm biếm, đả kích.

- Lời nhắn gửi ở hai câu cuối: thể hiện nỗi trăn trở, sự lo lắng của nhà thơ trước vận mệnh đất nước thời buổi ô hợp, nhốn nháo, việc học, việc chọn người tài bị coi nhẹ.

Ý nghĩa

Tác giả Tú Xương thông qua bài thơ đã vẽ nên một phần hiện thực nhốn nháo, ô hợp của xã hội thực dân nửa phong kiến buổi đầu, đồng thời nói lên tâm sự của mình trước tình cảnh đất nước.

Mẫu 3: Soạn bài Vịnh khoa thi hương

Bố cục

- Hai câu đề: Giới thiệu về kì thi

- Hai câu thực: Cảnh tượng khi đi thi

- Hai câu luận: Những ông to bà lớn đến trường thi

- Hai câu kết: Thái độ phê bình của nhà thơ với kì thi

Hướng dẫn

Câu 1 trang 34 sách giáo khoa Ngữ văn 11 Tập 1

Kì thi có điều khác thường là trường Nam thi lẫn với trường Hà. Từ "lẫn": lẫn lộn, báo hiệu điều gì thiếu nghiêm túc, ô hợp, láo nháo trong kì thi.

Câu 2 sách giáo khoa Ngữ văn 11 Tập 1 trang 34

- Hình ảnh:

+ Sĩ tử: lôi thôi, vai đeo lọ → dáng vẻ luộm thuộm, nhếch nhác.

+ Quan trường: ậm ọe, miệng thét loa → ra oai, nạt nộ nhưng đó là cái oai cố tạo, giả vờ.

- Nghệ thuật:

+ Sử dụng từ láy tượng thanh và tượng hình: ậm ọe, lôi thôi.

+ Đối: lôi thôi sĩ tử >< ậm ọe quan trường.

+ Đảo ngữ: Đảo trật tự cú pháp "lôi thôi sĩ tử", "ậm ọe quan trường".

⇒ Sự láo nháo, lộn xộn, ô hợp của trường thi, mặc dù đây là một kì thi Hương quan trong của nhà nước

⇒ Cảnh trường thi phản ánh sự suy vong của một nền học vấn, sự lỗi thời của đạo Nho.

Câu 3 Ngữ văn 11 Tập 1 trang 34 sách giáo khoa

- Hình ảnh:

+ Quan sứ: Viên quan người Pháp đứng đầu bộ máy cái trị của tỉnh Nam Định được tiếp đón trọng thể.

+ Mụ đầm: vợ quan sứ, ăn mặc diêm dúa, điệu đà.

⇒ Sự phô trương, hình thức, không đúng nghi lễ của một kì thi.

- Nghệ thuật đối: Lọng >< váy, trời >< đất, quan sứ >< mụ đầm → Thái độ mỉa mai, châm biếm hạ nhục bọn quan lại, thực dân.

⇒ Tất cả báo hiệu về một sự sa sút về chất lượng thi cử, bản chất của xã hội thực dân phong kiến.

Câu 4 Tập 1 trang 34 Ngữ văn 11 sách giáo khoa

- Tâm trạng thái độ của tác giả trước cảnh tượng trường thi: Ngao ngán, xót xa trước sự sa sút của đất nước. Thái độ mỉa mai, phẫn uất của nhà thơ với chế độ thi cử đương thời và đối với con đường khoa cử của riêng ông.

- Hai câu cuối như một lời nhắn nhủ các sĩ tử về nỗi nhục mất nước. Nhà thơ hỏi người nhưng cũng chính là hỏi mình.

CLICK NGAY vào đường dẫn dưới đây để tải bài soạn bài Vịnh khoa thi hương lớp 11 chi tiết, ngắn gọn bản file word, file pdf hoàn toàn miễn phí từ chúng tôi.